

Số: /KH-UBND

Mường Tè, ngày tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn huyện Mường Tè

Thực hiện Công văn số 2036/STTTT-BCVTCNTT ngày 18/9/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 4732/KH-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

UBND huyện Mường Tè ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 thay thế Kế hoạch số 2867/KH-UBND ngày 28/9/2023 của UBND huyện Mường Tè với những nội dung như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024

UBND huyện Mường Tè đã hoàn thành 04/08 nhiệm vụ, dự án, 04 nhiệm vụ đang thực hiện, dự kiến hoàn thành trong quý IV năm 2024.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện: Hệ thống hạ tầng bưu chính viễn thông được đầu tư cơ bản đồng bộ đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu của Nhân dân. Các doanh nghiệp viễn thông đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật mạng viễn thông và công nghệ thông tin hiện đại, rộng khắp, chất lượng cao: 100% các xã có đường truyền Internet băng rộng. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công việc; 100% các máy tính được cài đặt các phần mềm diệt virus bản quyền; 100% máy tính kết nối Internet băng thông rộng. Duy trì và tiếp tục nâng cao chất lượng sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, chứng thư số. UBND huyện chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, ATTT.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng tới 100% cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

- Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí, giảm tiếp xúc trực tiếp, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm tổ chức triển khai đạt mục tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, cụ thể: UBND huyện tập trung nguồn lực nâng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số

thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại các cấp chính quyền đảm bảo chất lượng và các tiêu chí đã được giao tại Kế hoạch số

- 100% TTHC đáp ứng được yêu cầu, điều kiện triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được tích hợp, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% thủ tục có yêu cầu phí, lệ phí được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Tăng cường quản lý nhà nước trong các hoạt động bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, Internet, phát thanh, truyền hình: Công tác quản lý nhà nước về viễn thông được tăng cường thường xuyên.

- Tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng: Bảo đảm an toàn thông tin mạng đã được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc đã xử lý đúng theo văn bản hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Bám sát Kế hoạch số 2821/KH-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10/10) trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 2272/KH-UBND ngày 05/8/2024 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn huyện Mường Tè năm 2024.

- Thực hiện tuyên truyền về những việc làm hay, những hoạt động tích cực, nổi bật về Chuyển đổi số, về cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, khu dân cư trên địa bàn huyện trên hệ thống truyền thanh huyện, truyền thanh các xã và hệ thống truyền thanh không dây tại các bản, khu phố với tổng thời gian là 10 giờ. Thực hiện treo 18 băng rôn 02 mặt tại các điểm tập trung đông người, trung tâm các xã, thị trấn.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hình thức hưởng ứng chủ yếu là các hoạt động tuyên truyền. Chưa thành lập được các nhóm, tổ tình nguyện hướng dẫn trực tiếp người dân truy cập vào các nền tảng mạng xã hội theo nội dung trong Kế hoạch.

- Chưa bố trí được kinh phí để Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn huyện năm 2024.

1.3. Truyền thông về Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Trên địa bàn huyện có 124 nhóm zalo, các tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập và hoạt động thường xuyên. Tất cả văn bản triển khai về thực hiện

Chuyển đổi số của các cấp đều được đăng tải; chia sẻ trên các nhóm zalo để người dân được biết.

- Tổ chức đồng loạt truyền thông thông điệp Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10/10) trên Trang Thông tin điện tử huyện và Hệ thống truyền thanh cơ sở. Hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng công nghệ số, dịch vụ số như: hướng dẫn người dân chuyển sang sử dụng smartphone, truy cập internet để nắm bắt thông tin, cập nhật kiến thức, sử dụng email và các nền tảng mạng xã hội zalo, facebook... để liên lạc, tương tác trao đổi thông tin, hội họp...; hướng dẫn cài đặt, sử dụng các App VneID_Ứng dụng định danh điện tử, App VssID_Bảo hiểm xã hội, App Sổ sức khỏe điện tử; hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu, Cổng dịch vụ công quốc gia; hướng dẫn người dân tra cứu, tìm hiểu thông tin chỉ đạo điều hành trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; hướng dẫn người dân quan tâm, theo dõi, tương tác trên Official Account Zalo, Fanpage facebook UBND tỉnh Lai Châu và UBND huyện Mường Tè; hướng dẫn người dân, hộ sản xuất, kinh doanh sử dụng nền tảng số, công nghệ số để mua/bán online, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thêm các kênh phân phối mới, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: mở gian hàng số bán hàng trên các sàn thương mại điện tử lớn, uy tín như laichau.biz, tiki.vn, chotot.com, shopee.vn, lazada.vn...; Tuyên truyền, phổ biến cho người dân sử dụng tài khoản ngân hàng, hướng dẫn sử dụng App tài khoản ngân hàng, ví điện tử để giao dịch thanh toán trực tuyến; cài đặt, sử dụng ứng dụng i-Speed để đo tốc độ truy nhập Internet băng rộng di động.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc tổ chức hoạt động tuyên truyền chủ yếu tập trung vào các đợt cao điểm, chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục. Một số nhóm zalo hoạt động chưa thực sự hiệu quả.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ Chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số trên địa bàn huyện, đảm bảo đạt được các mục tiêu theo tiến độ đề ra. Bám sát tình hình thực tế, tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy chuyển đổi, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Chuyển đổi số và quan tâm bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Tham mưu Huyện ủy ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 30/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Tè về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Tè.

- UBND huyện ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 13/02/2023 về

Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Mường Tè đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2471/KH-UBND ngày 11/12/2022 về Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện Mường Tè.

b) Tồn tại, hạn chế

- Các nội dung nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số năm 2024 thực hiện chưa đạt kết quả như mong muốn. Nguồn lực cho Chuyển đổi số về con người, cơ sở vật chất, ngân sách còn thiếu, gây ảnh hưởng đến kết quả thực hiện.
- Công tác tuyên truyền về Chuyển đổi số tại một số cơ quan đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội chưa được thường xuyên, kịp thời.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số năm 2024

a) Kết quả đạt được

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Mường Tè ban hành Quyết định số 105/QĐ-BCĐCDS ngày 13/6/2024 về việc kiện toàn Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số.
- Tổ chỉ đạo triển khai công nghệ số cộng đồng huyện tích cực trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và tổ chức trong công tác tiếp cận với dịch vụ công, các ứng dụng hỗ trợ sức khỏe, ngân hàng, định danh điện tử...

b) Tồn tại, hạn chế

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chưa có công chức chuyên trách về CNTT, nên việc tham mưu, tổ chức các hoạt động của Ban Chỉ đạo còn đạt hiệu quả chưa cao.
- Hoạt động của Tổ chỉ đạo triển khai công nghệ số cộng đồng ở một số xã, thị trấn; các Tổ công nghệ số cộng đồng bản/khu phố chưa hiệu quả, chưa phát huy được vai trò tiên phong, dẫn dắt, tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các nền tảng số.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công việc; 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử trong trao đổi, xử lý công việc; 100% văn bản của các cơ quan, nhà nước các cấp được trao đổi trên môi trường mạng (từ văn bản mật); hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chuyên dùng chứng thư số; 100% UBND cấp xã, thị trấn có phòng họp trực tuyến.
- Việc họp trực tuyến cũng được triển khai thực hiện liên thông 4 cấp: trung ương, tỉnh, huyện, xã, thị trấn theo hình thức truyền hình trực tuyến đảm bảo kết nối thông suốt từ Chính phủ xuống đến 100% các xã, thị trấn.
- Hiện nay, trên địa bàn huyện 100% các xã, thị trấn được phủ sóng di động

và có hệ thống đường truyền Internet băng rộng cáp quang; mạng viễn thông di động đã phủ sóng 3G, 4G, đang tiếp tục triển khai 5G, đảm bảo cung cấp kết nối mạng mọi lúc, mọi nơi.

- 100% cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Tồn tại, hạn chế: Tỷ lệ văn bản đi có ký số của một số cơ quan, đơn vị còn thấp. Tuy sóng di động đã phủ đến 100% xã, thị trấn nhưng do địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, một số khu vực vẫn còn hiện tượng sóng yếu, lôm sôm, chưa đáp ứng lưu thoại thực tế.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

- Đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, CSDL Bộ, ngành thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh, của huyện.

- Số hóa và tái sử dụng dữ liệu trên địa bàn huyện chưa được triển khai đồng bộ.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc số hóa tài liệu chưa đảm bảo, tỷ lệ chưa cao, do các xã, thị trấn chưa đảm bảo về nhân lực và thiết bị, đơn vị cung cấp dịch vụ chưa hướng dẫn trên địa bàn huyện.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được

- Triển khai đảm bảo kết nối hệ thống định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân. Số lượng người dân thực hiện mua/bán trên các kênh, trang thương mại điện tử ngày càng tăng.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ mạng di động 4G/5G, đường truyền Internet tốc độ cao để thúc đẩy, tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân.

- Thực hiện tối đa việc giao dịch, chi trả không dùng tiền mặt: Chi lương, thưởng, các chế độ phụ cấp, chế độ chính sách, các giao dịch, mua sắm.

- Hiện nay 100% trường học đã tích cực sử dụng các phần mềm trong quản lý và dạy học.

b) Tồn tại, hạn chế: Số lượng người sử dụng ví điện tử hiện còn ít so với tổng số lượng dân số trưởng thành trên địa bàn huyện.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được

- Hiện nay trên địa bàn huyện đã bố trí 01 công chức phòng Văn hóa và Thông tin huyện làm nhiệm vụ về CNTT, CDS; 01 công chức Văn phòng HĐND - UBND phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin.

- 100% trong các cơ quan quản lý hành chính nhà nước có cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm phụ trách về CNTT, CDS.

b) Tồn tại, hạn chế: Công chức tham mưu lĩnh vực công nghệ thông tin các cấp chủ yếu là kiêm nhiệm và không có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin nên còn gặp nhiều khó khăn và trở ngại trong thực hiện nhiệm vụ.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

- Tăng cường triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về trách nhiệm an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện thông qua các cuộc họp, hội nghị và các lớp đào tạo tập huấn chuyên ngành; qua phương tiện thông tin như: Trang thông tin điện tử huyện, Hệ thống truyền thanh - truyền hình huyện; Hệ thống truyền thanh cơ sở. Ban hành các văn bản về tuyên truyền và nâng cao nhận thức, trách nhiệm về an toàn thông tin mạng. Thường xuyên chuyển tiếp các thông báo, cảnh báo các lỗ hổng, điểm yếu an toàn thông tin theo văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông đến các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, nhằm hạn chế các sự cố gây mất an toàn an ninh thông tin.

- Tăng cường giám sát an ninh mạng, kịp thời phát hiện hoạt động tấn công mạng, phối hợp các cơ quan chức năng để điều tra, xác minh, xử lý đối tượng thực hiện tấn công mạng.

- Đảm bảo cài đặt phần mềm phòng chống mã độc cho 100% (phần mềm diệt vi rút bản quyền) các máy tính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

- Cử thành viên tham gia vào Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính để chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin.

- Cảnh báo người sử dụng Internet về nguy cơ, hậu quả của việc mất ATTT. Phổ biến các kỹ năng cơ bản phòng tránh mất ATTT trên không gian mạng (kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân, phòng chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và các phần mềm độc hại...), các biện pháp ứng cứu, xử lý sự cố mất ATTT.

b) Tồn tại, hạn chế

- Đội ngũ cán bộ, chuyên viên phụ trách an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu, cần được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn, an ninh thông tin.

- Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin của huyện nói chung và công tác đảm bảo ATTT nói riêng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; giải pháp phòng, chống mã độc tập trung chưa được triển khai đầy đủ dẫn đến thiếu tính đồng bộ nên khả năng phòng, chống mã độc, bảo mật chưa cao.

8. Chính phủ số

a) Kết quả đạt được

- Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc duy trì sử dụng các hệ thống: Hệ thống quản lý văn bản điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống nghiệp vụ quản lý tài chính, kế toán; Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Thường xuyên rà soát, đề nghị cập mới tài khoản thư điện tử công vụ, tài khoản trên các hệ thống thông tin khi có biến động.

- Tiếp tục chỉ đạo, vận hành tốt Trang thông tin điện tử huyện, xây dựng và đưa vào triển khai Trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết, thanh toán trực tuyến khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế

- Hệ thống truyền thanh - truyền hình huyện chưa được đầu tư đồng bộ và phù hợp với tình hình hiện nay; một số xã có tỷ lệ thanh toán trực tuyến hồ sơ TTHC chưa cao.

- Việc triển khai sử dụng tài khoản VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC bắt đầu từ 15/6/2024, tuy nhiên nhiều công dân chưa có tài khoản ĐDDT mức độ 2 dẫn đến tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến có xu hướng giảm.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được

- Tạo cơ chế pháp lý cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện phát triển các nền tảng phục vụ Chuyển đổi số.

- Sử dụng các tiện ích mua sắm thanh toán hàng hóa, dịch vụ thanh toán trực tuyến để thúc đẩy phát triển kinh tế số. Đẩy mạnh triển khai, phát triển các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn huyện

b) Tồn tại, hạn chế: Trong năm chưa tổ chức được các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số, kỹ năng số cho chủ thể OCOP, cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về Chuyển đổi số; hướng dẫn, phổ cập thông tin, kỹ năng số, bao gồm kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn huyện không chỉ góp phần tạo sự minh bạch trong các khoản chi tiêu và giao dịch mà còn đáp ứng nhu cầu thanh toán thuận tiện, hiệu quả của tổ chức, cá nhân.

- Tăng cường quảng bá bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử, các sản phẩm đặc trưng của huyện trên Trang Thông tin điện tử huyện, Trang Thông tin điện tử của các xã, thị trấn; Hệ thống truyền thanh cơ sở và Fanpage facebook UBND huyện Mường Tè.

b) Tồn tại, hạn chế: Số lượng người dân tham gia vào một số hoạt động của chính quyền chưa cao.

11. Kinh phí thực hiện

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Quyết định 1509/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”; Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu Kế hoạch Nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) tỉnh Lai Châu năm 2023 và các năm tiếp theo.

- Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 30/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Tè về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Tè.

- Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 13/02/2023 về Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Mường Tè đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thành cơ bản các mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử; từng bước hoàn thành Chuyển đổi số đối với những chỉ tiêu cơ bản ở một số lĩnh vực quan trọng trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến trình Chuyển đổi số ở một số lĩnh vực. Nâng cao vị trí xếp hạng Chuyển đổi số (DTI- Digital index) của huyện.

- Thực hiện Chuyển đổi số đồng bộ trên phạm vi toàn huyện; triển khai Chuyển đổi số trên ở các lĩnh vực ưu tiên, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của huyện phát triển nhanh bền vững; đổi mới căn bản hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp trên toàn huyện; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn huyện.

- Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2025 giao tại Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 30/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Tè về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Tè và Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 13/02/2023 về Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Mường Tè đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trung bình toàn huyện đạt tỷ lệ tối thiểu 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến trung bình toàn huyện đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử toàn huyện đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.

- 100% công tác báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

- 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.

- 80% các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 80% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh công lập triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.
- 70% tài liệu quý hiếm, tài liệu địa chí có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học được số hóa.
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh cấp tiểu học đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;
- Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ hoạt động Chuyển đổi số

- Về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành:
 - + Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện tổ chức họp định kỳ hàng quý theo Quy chế hoạt động; chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Kế hoạch, quyết định các chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai hàng tháng, quý.
 - + Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện và các xã, thị trấn quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp tới cơ quan, đơn vị, địa phương; chủ động phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan để kịp thời giải đáp các vướng mắc vượt thẩm quyền trong quá trình thực hiện; tự kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hằng tháng, quý.
 - + Xác định Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; đảm bảo an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.
 - + Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về Chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng.
- Về Kiểm tra, giám sát hoạt động Chuyển đổi số:
 - + Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò dẫn dắt Chuyển đổi số của người đứng đầu; việc Chuyển đổi số, đầu tư, mua sắm trong các kế hoạch, chương

trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số cần theo nguyên tắc: có người làm, có người giám sát độc lập, thực hiện việc kiểm tra, giám sát kịp thời ngay từ khâu lập kế hoạch, phê duyệt chủ trương, lập dự toán đến các khâu thực hiện đầu tư, mua sắm và đến khâu quyết toán.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, HĐND và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chuyển đổi số.

+ Định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chuyển đổi số các ngành, địa phương thông qua các hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp và hệ thống phần mềm quản lý đánh giá mức độ Chuyển đổi số huyện.

+ Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức tự kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả Chuyển đổi số của cơ quan đơn vị mình ít nhất 01 lần/năm.

+ Định kỳ báo cáo về các hoạt động, kết quả Chuyển đổi số trên địa bàn huyện theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

2. Thể chế, chính sách số

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật An ninh mạng và các văn bản có liên quan trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thúc đẩy Chuyển đổi số. Ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện các quy định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Thủ tướng chính phủ các Bộ ngành, UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Xác định các văn bản, cơ chế, chính sách cần xây dựng để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin, qua đó ban hành các chính sách như:

- + Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình;
- + Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số;
- + Chính sách Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- + Chính sách thuê chuyên gia Chuyển đổi số.

Rà soát lại các mục tiêu, nhiệm vụ giao tại Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Tỉnh ủy và Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, hiệu quả thiết thực, phù hợp với điều kiện cụ thể của huyện; nghiên cứu tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, điều chỉnh những nội dung, chỉ tiêu tại Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 30/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Tè về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Tè và Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 13/02/2023 của UBND huyện để phù

hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; xác định, lựa chọn một số việc chính, trọng tâm, cấp thiết về Chuyển đổi số để thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn làm nổi bật, rõ nét về kết quả Chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

Đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, của các sở ngành đảm bảo phù hợp với Luật Giao dịch điện tử.

3. Hạ tầng số

- Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và văn bản điện tử theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. Nâng cao tỷ lệ trao đổi văn bản dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ như:

+ Rà soát, xóa các vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động: phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps. Gửi về Sở thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình UBND tỉnh đề xuất về Bộ thông tin và Truyền thông có giải pháp xử lý.

+ Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh: tổ chức thực hiện từng bước theo một lộ trình cụ thể. Trước tiên, mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, sau đó, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

+ Đối với các gia đình thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa có thì lập danh sách để đề xuất Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có thể hỗ trợ hoặc kết hợp các nguồn lực khác của huyện, kết hợp với doanh nghiệp viễn thông hoặc huy động các nguồn lực xã hội hoá để triển khai.

+ Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng: các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện có kế hoạch phát triển mạng viễn thông hiệu quả và bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các khu vực khó khăn; thống kê các khu vực khó khăn chưa kết nối cáp quang để xem xét, đăng ký sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để triển khai đường cáp quang đến từng thôn, bản.

4. Nhân lực số

- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực CNTT cho huyện. Tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về CNTT, tập trung các nội dung: Chuẩn kỹ năng CNTT; Kiến thức về Chính phủ điện tử và Chuyển đổi số; An toàn thông tin mạng; Các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý vận hành các hệ thống thông tin. Phân đầu đảm bảo

mỗi cơ quan Nhà nước bố trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân: Triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của tỉnh; một số lĩnh vực có thể xem xét tập trung gồm có: Nông nghiệp, Du lịch, Dệt may, Logistics, Y tế, Giáo dục...

- Tham gia trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà đã được Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập. Trên Nền tảng này đã cung cấp 17 khóa học kỹ năng số cho người dân và khóa học cho Tổ công nghệ số cộng đồng để các địa phương có thể truy cập và sử dụng được ngay trên môi trường số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3716/KH-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tăng cường sử dụng các hệ thống, phần mềm dùng chung trong hoạt động điều hành, xử lý công việc của ngành Thông tin và Truyền thông: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống thư điện tử công vụ; Ứng dụng chữ ký số.

- Triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin, ứng dụng trong công tác quản lý nhà nước như: Hệ thống giám sát danh tiếng và thông tin trực tuyến, hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng...

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Đề án 06. Tổ chức quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; đồng thời tiếp tục triển khai sử dụng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, kết nối các CSDL quốc gia, CSDL của các ngành, địa phương nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để người dân, doanh nghiệp cùng khai thác, sử dụng.

- Triển khai nền tảng quản trị trường học tới 100% cơ sở giáo dục với các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, tài chính (thanh toán không dùng tiền mặt); đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành và cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kết nối với trung tâm điều hành thông minh IOC của tỉnh.

- Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, ưu tiên triển khai sổ điểm điện tử, học bạ số cấp Tiểu học; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số ở những nơi có đủ điều kiện.

- Tập trung số hóa hồ sơ công việc, hồ sơ giải quyết TTHC theo yêu cầu của UBND tỉnh phục vụ xây dựng dữ liệu của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả Phần mềm chấm điểm cải cách hành chính tỉnh.

- Thực hiện rà soát, cập nhật 100% dữ liệu, hồ sơ cá nhân cán bộ, công chức, viên chức lên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của huyện; 100% đảng viên thực hiện kê khai sơ yếu lý lịch phục vụ việc cập nhật, chuẩn hóa, quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên.

- Tiếp tục duy trì vận hành CSDL chuyên ngành tài chính đáp ứng mục tiêu “xây dựng CSDL về tài chính tại địa phương đáp ứng nhu cầu về tiếp cận, khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý và điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch”.

- Phối hợp xây dựng, duy trì và phát triển các CSDL về chăn nuôi, thủy sản, trồng trọt và thủy lợi.

- Tiếp tục sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia để thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu.

- Thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu người lao động; Cơ sở dữ liệu Người có công; Phần mềm Quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; CSDL Hệ thống trợ giúp xã hội trực tuyến; Phần mềm thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thiện hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến.

- Tiếp tục sử dụng, khai thác có hiệu quả phần mềm Hộ tịch; phần mềm quản lý thông tin Đâu giá; phần mềm quản lý tổ chức hành nghề Công chứng; phần mềm cơ sở dữ liệu về Công chứng, chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến bất động sản; phần mềm quản lý hoạt động của tổ chức Trợ giúp pháp lý; phần mềm thống kê Tư pháp; phần mềm Hộ tịch...

- Tiếp tục lập danh mục tài liệu, hồ sơ, scan và cập nhật dữ liệu lên phần mềm số hóa hồ sơ thanh tra, thực hiện tốt việc quản lý, lưu trữ, khai thác thông tin, tài liệu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh tra; duy trì sử dụng hệ thống phần mềm báo cáo công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng của Thanh tra Chính phủ.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các cơ sở dữ liệu đang triển khai thực hiện gồm: phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu; cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân (phần mềm quản lý năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân); Cơ sở dữ liệu thống kê ngành xây dựng (Hệ thống thông tin thống kê ngành xây dựng); Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản).

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng; chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam.

- Tăng cường công tác chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra, rà soát xây dựng các phương án bảo vệ, ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng, đề xuất cấp độ an toàn thông tin tương ứng đối với các hệ thống thông tin theo quy định.

- Theo dõi, triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp; đảm bảo hệ thống được kết nối, chia sẻ giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo xử lý, loại bỏ mã độc, xử lý sự cố đột xuất và định kỳ theo quy định, đồng thời đây cũng là tài liệu kiểm chứng để đánh chỉ số DTI.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TTBTTTT ngày 12/8/2022.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác đảm bảo an toàn thông tin; công tác kiểm tra, đánh giá, diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức an toàn thông tin.

- Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ. Cụ thể triển khai các nội dung:

+ Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

+ Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của huyện trước 30/6/2025.

+ 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

+ Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

+ 100% các Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

7. Chính quyền số

- Phối hợp triển khai xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo quy định.

- Phối hợp triển khai việc nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến phù hợp với yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu và đáp ứng đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các kênh số khác tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của huyện.

- Các cơ quan, ban, ngành, địa phương tăng cường, quyết liệt, tập trung chỉ đạo để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, dự án đầu tư Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của HĐND tỉnh.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trong đó triển khai các nội dung:

+ Phối hợp rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Phối hợp rà soát để thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.

+ Triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, thực hiện nghiêm Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

+ Triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.

+ Triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, trang thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội). Trong trường hợp địa phương chưa sẵn sàng nguồn lực để triển khai thì có thể xem xét một trong các phương án nhanh chóng, miễn phí là xây dựng kênh giao tiếp số trên các nền tảng số phổ biến hiện nay như Zalo Mini App, giúp người dân, doanh nghiệp giao tiếp với chính quyền ngay trên ứng dụng Zalo mà không cần cài đặt thêm ứng dụng khác.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Kinh tế số

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin), doanh nghiệp nền tảng số đầu tư tại huyện.

- Triển khai thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số theo Quyết định số 1784/QĐ-

UBND về việc Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị các doanh nghiệp viễn thông triển khai nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng sản phẩm thương mại điện tử Vò sò và Postmart;

- Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa: Cụ thể triển khai các nội dung:

- + Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện biết để sử dụng các nền tảng số Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- + Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ Chuyển đổi số doanh nghiệp.

- + Định kỳ 6 tháng tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm.

8.2. Xã hội số

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện việc cấp danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn huyện theo quy định;

- Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 4475/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân trong độ tuổi trưởng thành đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử.

- Mỗi người dân có một danh tính số: Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân. Trong đó triển khai các nội dung:

- Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2.

- Lập danh sách các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

- Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số: Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số, trong đó Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số, cụ thể triển khai các nội dung:

- + Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân.

+ Đối với các địa phương tiếp cận khó tới dịch vụ ngân hàng, đẩy mạnh phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng.

+ Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: bán số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.

- Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến liên kết với tài khoản VNeID để truy cập các Cổng dịch vụ công, phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến.

- Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân: Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân. Cụ thể triển khai các nội dung:

+ Ban hành các chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.

+ Phối hợp các cấp có thẩm quyền triển khai tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.

+ Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Phát triển trường học số: Triển khai thực hiện Chuyển đổi số trong trường học các cấp. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*".

- Phát triển bệnh viện số: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chuyển đổi số toàn diện trong Trung tâm y tế huyện. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Phát triển bản, làng số: Thông tin, tuyên truyền, phổ biến cho người dân tại các bản, tổ dân phố tham khảo tại Cổng Thông tin điện tử về làng số tại địa chỉ langso.dx.gov.vn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập.

- Đẩy mạnh hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng bản, tổ dân phố, phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt, tiên phong

đưa nền tảng số, công nghệ số đến từng gia đình, từng người dân nhanh hơn và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công dân số, phát triển xã hội số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh Chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ huyện đến cơ sở.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học;

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân;

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin nhằm trang bị cho mỗi cá nhân trên địa bàn huyện những kiến thức và kỹ năng cơ bản để bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng theo Kế hoạch số 3278/KH-UBND ngày 13/10/2021 Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành Chuyển đổi số

- Người đứng đầu cấp ủy, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình, xác định Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai hàng tháng, quý.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chủ động, chịu trách nhiệm và thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về Chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị và đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu đi đầu trong Chuyển đổi số.

- Việc triển khai các dự án, nhiệm vụ về Chuyển đổi số tuân thủ nguyên tắc kế thừa và tiếp tục phát huy các kết quả, thành tựu từ hệ thống chính quyền điện tử phù hợp với điều kiện và đặc thù từng cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực, không để xảy ra lãng phí.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch, nội dung cụ thể.

- Xây dựng đa dạng các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền Chuyển đổi số (tin bài, thời sự, chuyên đề, clip, hình ảnh...) thông qua nhiều hình thức linh hoạt, trực quan, dễ tiếp cận; tuyên truyền trên các loại hình báo chí, trang thông tin điện tử, thông tin cơ sở, các nền tảng mạng xã hội.

- Xây dựng chương trình, triển khai hướng dẫn, tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo về Chuyển đổi số, công nghệ số nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công, từ đó nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về Chuyển đổi số.

- Tổ công nghệ số cộng đồng phát huy hiệu quả trong việc tuyên truyền, phổ biến, chuyển tải các thông điệp thiết thực, gần gũi và kỹ năng số cơ bản thông qua các ấn phẩm tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt App “Smart BRVT”, các ứng dụng thông minh... để người dân các bản, khu phố thuộc địa bàn quản lý nắm bắt được lợi ích mạng lại, sẵn sàng và tích cực tham gia.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến về bộ chỉ số Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã và kết quả Chuyển đổi số của tỉnh bằng nhiều hình thức. Tổ chức xếp hạng, vinh danh và nhân rộng các mô hình, tổ chức điển hình dẫn đầu trong Chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai Ngày Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu (10/10) hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực Chuyển đổi số

- Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo về kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức đoàn thể từ cấp huyện đến cấp xã.

- Triển khai đăng ký đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, cán bộ nòng cốt Chuyển đổi số để tham mưu triển khai Chuyển đổi số, làm chủ thiết bị, hệ thống, nền tảng số của tỉnh.

- Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp về Chuyển đổi số, hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo về Chuyển đổi số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Huy động các nguồn lực thực hiện Chuyển đổi số; ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp thử nghiệm các công nghệ mới, các giải pháp mới, các ý tưởng sáng tạo để nghiên cứu, vận dụng và đưa vào cuộc sống.

- Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án liên quan để thực hiện Chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi kế hoạch được giao cho các cơ quan, ban, ngành chủ trì, triển khai toàn huyện theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm; địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức

- Phát huy các thỏa thuận hợp tác của tỉnh đã ký kết với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực kinh nghiệm để tham gia xây dựng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, định hướng Chuyển đổi số toàn diện; phối hợp vận hành hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin mạng; tiếp tục tham gia triển khai thí điểm các giải pháp, nền tảng số tại một số xã, thị trấn.

- Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương trong cả nước về Chuyển đổi số; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, các trường, viện trong việc chuyển giao công nghệ, giải pháp và nền tảng số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn huyện được sử dụng từ nguồn NSNN, huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ; huy động

từ xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2025

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, triển khai các nội dung sau:

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện

Tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết về Chuyển đổi số. Thực hiện trên 03 trụ cột chính: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định và đề xuất tham mưu, triển khai các dự án ứng dụng CNTT từ nguồn vốn kinh phí sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển CNTT của huyện.

- Tổng hợp, tham mưu việc thực hiện kế hoạch và xây dựng báo cáo kịp thời, đề xuất các giải pháp cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Kế hoạch Chuyển đổi số.

- Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ của Kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chủ trì, phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện thực hiện các mục tiêu về: Dịch vụ công, báo cáo kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, giải quyết TTHC mức độ một phần, toàn trình tại Bộ phận Một cửa các cấp.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Căn cứ tình hình nguồn kinh phí của địa phương được giao hằng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Chuyển đổi số,

chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với tăng cường thực hiện mục tiêu Chuyển đổi số.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, tham gia các sàn thương mại điện tử: Voso, Postmart, Lazada, Shopee... Xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới, GoOnline, Online Friday... để quảng bá, giới thiệu và xuất khẩu sản phẩm hàng hóa trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông nghiệp nông thôn và các sản phẩm du lịch tiêu biểu của huyện.

6. Phòng Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên BCD Chuyển đổi số huyện thực hiện có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính gắn với Chuyển đổi số.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT, góp phần đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai phổ cập kỹ năng số cho giáo viên, học sinh các cấp học, đặc biệt thanh, thiếu niên huyện là lực lượng nòng cốt, hỗ trợ cho phụ huynh, người lớn tuổi.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

8. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện

- Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về Chuyển đổi số thông qua các chương trình truyền thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp khác.

- Xây dựng chuyên mục về Chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh - truyền hình huyện; định kỳ hằng tháng đăng tải tin, bài, phóng sự về Chuyển đổi số, chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương điển hình về Chuyển đổi số...

9. Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tăng cường quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chuyển đổi số, trọng tâm là Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 30/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Tè

về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Tè; Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 13/02/2023 về Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Mường Tè đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia công cuộc Chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

10. Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện

- Triển khai kế hoạch Chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp của mình. Thực hiện chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

- Các Ngân hàng đóng trên địa bàn huyện phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn huyện phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 huyện Mường Tè (bổ sung), yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT, VHTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đào Văn Khánh